

Số: 242/CD-TTg

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2025

CÔNG ĐIỆN

**Tập trung hoàn thành mục tiêu cắt giảm, đơn giản hóa
thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh theo Nghị quyết số 66/NQ-CP
ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ *điện*:

- Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Đồng kính gửi: Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy các tỉnh, thành phố để lãnh đạo, chỉ đạo.

Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều nghị quyết và công điện chỉ đạo¹, nhất là Công điện số 220/CD-TTg ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ; các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tập trung triển khai thực hiện và đạt được kết quả: (i) Các Bộ đã tập trung hoàn thiện, trình Quốc hội xem xét thông qua 08 dự án Luật² nhằm cắt giảm 38 ngành nghề kinh doanh có điều kiện và các điều kiện kinh doanh liên quan. (ii) Bộ Công Thương đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án đợt 2, theo đó, đến nay, 14 bộ, cơ quan ngang bộ đã chủ động cắt giảm và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa là 3.085/4.888 thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh (đạt 63,1%); cắt giảm 2.371/6.974 điều kiện kinh doanh thuộc ngành, nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (đạt 33,9%)³.

¹ Như: Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025, Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ, các Công điện của Thủ tướng Chính phủ: số 56/CD-TTg ngày 04/5/2025, số 90/CD-TTg ngày 17/6/2025, số 111/CD-TTg ngày 17/7/2025, số 144/CD-TTg ngày 23/8/2025, số 187/CD-TTg ngày 04/10/2025, số 201/CD-TTg ngày 22/10/2025.

² Gồm: Luật Đầu tư sửa đổi; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục; Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi); Luật sửa đổi một số Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; Luật Hàng không dân dụng Việt Nam; Luật Xây dựng; Luật sửa đổi một số điều Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Quản lý thuế sửa đổi.

³ Cụ thể:

(i) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các bộ đã phê duyệt phương án cắt giảm 357 TTHC, đơn giản hóa 1.819 TTHC; cắt giảm 2.151 điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của 14 bộ, cơ quan ngang bộ.

(ii) Đồng thời, các bộ đã chủ động thực hiện cắt giảm (bãi bỏ) 249 TTHC, đơn giản hóa 759 TTHC; cắt giảm (bãi bỏ) 220 điều kiện kinh doanh (*riêng Bộ Giáo dục và Đào tạo có 99 TTHC được tiếp tục rà soát xây dựng phương án đơn giản hóa trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt*).

Kế thừa kết quả cắt giảm 3.241 quy định kinh doanh theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ; triển khai Nghị quyết số 66/NQ-CP, từ đầu năm 2025 đến nay, các bộ, cơ quan đã ban hành và trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để bãi bỏ 282 thủ tục hành chính, đơn giản hóa 953 thủ tục hành chính, cắt giảm 849 điều kiện kinh doanh; đã đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp⁴; 34/34 địa phương đã công bố danh mục thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn, trong đó có 18 địa phương công bố 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh⁵.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của một số bộ, ngành, địa phương vẫn còn tồn tại, hạn chế, cụ thể:

(i) Việc sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật để thực thi phương án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt còn chậm nên tỷ lệ cắt giảm điều kiện kinh doanh, chi phí tuân thủ, thời gian giải quyết còn chưa đạt mục tiêu đề ra tại Nghị quyết 66/NQ-CP.

(ii) Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến của một số bộ, cơ quan, địa phương thấp so với mục tiêu đề ra⁶.

(iii) Còn 16 địa phương chưa hoàn thành việc triển khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.

(iv) Việc tái cấu trúc, sửa đổi quy trình nội bộ, quy trình điện tử để thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính còn chậm⁷.

(v) Còn 07 Cơ sở dữ liệu chưa thực hiện công khai thông tin và hướng dẫn tích hợp dữ liệu để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP⁸.

Để bảo đảm cắt giảm thực chất, hiệu quả thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh đạt mục tiêu theo đúng chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tổng Bí thư Tô Lâm, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung hoàn thành ngay một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

⁴ Tỷ lệ TTHC liên quan đến doanh nghiệp được cung cấp trực tuyến tại cấp bộ là 81,93%; tỷ lệ trung bình của các tỉnh là 97%, 34/34 địa phương đạt trên 90%, 10/34 địa phương đã hoàn thành 100% (Bao gồm: TP. Đà Nẵng; TP. Hà Nội; TP. Hải Phòng; An Giang; Bắc Ninh; Điện Biên; Gia Lai; Hà Tĩnh; Khánh Hòa; Quảng Trị).

⁵ Gồm: TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, TP. Đà Nẵng, TP. Huế, Bắc Ninh, Điện Biên, Gia Lai, Khánh Hòa, Hưng Yên, Lào Cai, Sơn La, Vĩnh Long, Cà Mau, Phú Thọ, Lạng Sơn, Lâm Đồng, Lai Châu, Quảng Trị.

⁶ Như: Bộ Tài chính - 56,73%, Bộ Công an - 60,36%, Bộ Y tế - 72,5%, Cao Bằng - 90,2%, Đồng Tháp - 90,8%.

⁷ Một số địa phương đạt tỷ lệ thấp như: Cao Bằng - 39,5%; Đắk Lắk - 62,7%, Tuyên Quang - 70,2%.

⁸ Gồm: 02 CSDL quốc gia về Bảo hiểm, đăng ký doanh nghiệp (Bộ Tài chính); 01 CSDL quốc gia về đất đai (Bộ NNMT); 03 CSDL về đăng ký phương tiện, giấy phép lái xe, lý lịch tư pháp (Bộ Công an); 01 CSDL nền tảng số sức khỏe điện tử (Bộ Y tế).

I. HOÀN THÀNH VIỆC CẮT GIẢM TỐI THIỂU 30% ĐIỀU KIỆN KINH DOANH, CHI PHÍ TUÂN THỦ, THỜI GIAN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị quyết theo Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật điều chỉnh các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan Trung ương ban hành để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh theo phương án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, **hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2025.**

2. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ:

a) Khẩn trương rà soát để bãi bỏ ngay các điều kiện kinh doanh đối với những ngành, nghề đã được đưa ra khỏi danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư.

b) Tổng hợp các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh chưa được thực thi, gửi Bộ Tư pháp **trước ngày 25 tháng 12 năm 2025** để tổng hợp, xây dựng Nghị quyết trình Chính phủ bảo đảm việc hoàn thành thực thi các phương án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

c) Khẩn trương rà soát, sửa đổi các quy định không phù hợp với việc thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính và triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình như: yêu cầu phải nộp hồ sơ gốc; yêu cầu nộp hồ sơ thủ tục hành chính tại nơi cư trú hoặc nơi đóng trụ sở hoặc nơi cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính lần đầu; yêu cầu phải có mặt tại nơi giải quyết để ký nhận kết quả,... **hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2025.**

d) Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Y tế, Công an khẩn trương cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin trong cơ sở dữ liệu (*Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, Cơ sở dữ liệu nền tảng số sức khỏe điện tử, Cơ sở dữ liệu về đăng ký phương tiện, Cơ sở dữ liệu về giấy phép lái xe, Cơ sở dữ liệu về lý lịch tư pháp*) và công bố phạm vi thông tin trong cơ sở dữ liệu được khai thác, sử dụng thay thế giấy tờ trong thành phần hồ sơ thủ tục hành chính; hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương kết nối, khai thác cơ sở dữ liệu, trong đó xác định rõ các trường thông tin cần thiết để phục vụ cho việc khai thác, sử dụng theo đúng quy định tại Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP, **hoàn thành trước ngày 25 tháng 12 năm 2025.**

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Hoàn thành việc rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do địa phương ban hành **trước ngày 31 tháng 12 năm 2025.**

II. HOÀN THÀNH VIỆC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN VÀ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

1. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố:

a) Tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về thực hiện cấu trúc lại quy trình, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo đúng mục tiêu, yêu cầu và lộ trình tại Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm chất lượng, thực chất, hiệu quả.

b) Hoàn thành 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, giảm tối đa giấy tờ **trước ngày 31 tháng 12 năm 2025** (*Phụ lục I kèm theo*).

c) Các bộ, cơ quan ngang bộ đẩy nhanh tiến độ xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; liên thông, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cũng như cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo đúng lộ trình tại Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống chính trị.

d) Hoàn thành việc công bố, công khai đầy đủ các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa, phù hợp với việc thực hiện tinh gọn, sắp xếp bộ máy, đồng thời bảo đảm thông suốt, hiệu quả, **hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2025**.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo rà soát, điều chỉnh quy trình nội bộ, quy trình điện tử của thủ tục hành chính đáp ứng thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính, hoàn thành mục tiêu 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh (*theo Phụ lục II kèm theo*) **hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2025**.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

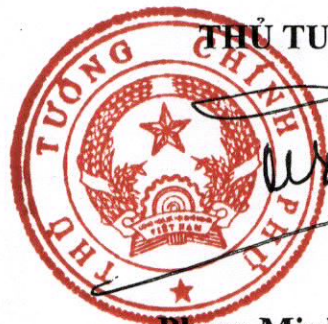
1. Giao Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh và các nhiệm vụ tại Công điện này, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện **trước ngày 25 tháng 12 năm 2025**.

2. Văn phòng Chính phủ theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo dõi, đơn đốc việc triển khai các nhiệm vụ nêu trên; kịp thời tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ những vấn đề vượt thẩm quyền.

Đây là nhiệm vụ rất quan trọng, cấp bách, cần khẩn trương tập trung hoàn thành. Thủ tướng Chính phủ đề nghị các Đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố dành thời gian quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc hoàn thành các nhiệm vụ nêu trên, bảo đảm công tác cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thực chất, hiệu quả, người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng kết quả thật, lợi ích thật của cải cách, đạt mục tiêu, yêu cầu của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tổng Bí thư Tô Lâm, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, các PTTgCP;
- Văn phòng Trung ương Đảng (Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương KHCN, ĐMST và CDS);
- VPCP: BTCN, PCN Phạm Mạnh Cường, các Vụ: TCCV, KTTH, TH, QHĐP, Công TTĐT;
- Lưu: VT, KSTT (2b).



THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính



Phụ lục I

KẾT QUẢ CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN CHO CÁC TTHC LIÊN QUAN ĐẾN DOANH NGHIỆP¹

(Kèm theo Công điện số 242/CD-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

I. Bộ, cơ quan ngang bộ

Cơ quan	Tổng số TTHC doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết			Kết quả thực hiện cung cấp DVCTT				Tỷ lệ thực hiện (%)	Ghi chú
	Tổng số	Tổng số TTHC không phát sinh hồ sơ trong 3 năm	Tổng số TTHC phải cung cấp DVCTT	Tổng số TTHC đã cung cấp DVCTT	Đã cung cấp DVCTT trên Cổng DVC cấp Bộ ²	Đã cung cấp, tích hợp DVCTT trên Cổng DVCQG	Chưa tích hợp, cung cấp DVCTT		
Bộ Tư pháp	19	7	12	12	0	12	0	100	07 TTHC không đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến (do trong 03 năm gần nhất không phát sinh hồ sơ)
Bộ Khoa học và Công nghệ	263	-	263	263	0	263	0	100	
Bộ Nông nghiệp và Môi trường	199	-	199	199	0	199	0	100	

¹ Trên cơ sở rà soát dữ liệu do Bộ, ngành cung cấp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho doanh nghiệp của Bộ, ngành, địa phương.

² Chưa tích hợp trên Cổng DVCQG.

Cơ quan	Tổng số TTHC doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết			Kết quả thực hiện cung cấp DVCTT				Tỷ lệ thực hiện (%)	Ghi chú
	Tổng số	Tổng số TTHC không phát sinh hồ sơ trong 3 năm	Tổng số TTHC phải cung cấp DVCTT	Tổng số TTHC đã cung cấp DVCTT	Đã cung cấp DVCTT trên Cổng DVC cấp Bộ ²	Đã cung cấp, tích hợp DVCTT trên Cổng DVCQG	Chưa tích hợp, cung cấp DVCTT		
Bộ Giáo dục và Đào tạo	11	-	11	11	0	11	0	100	
Bộ Xây dựng	206	0	206	206	14	192	0	100	
Bộ Quốc phòng	84	34	50	50	3	47	0	100	31 TTHC chưa đáp ứng các tiêu chí để cung cấp DVCTT, 03 TTHC chưa phát sinh hồ sơ trong 3 năm
Bộ Nội vụ	23	5	18	18	5	13	0	100	
Bộ Ngoại giao	7	-	7	7	0	7	0	100	
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	140	101	39 ³	39	0	39	0	100	
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	71	-	71	59	6	53	12	83,1	
Bộ Công Thương	152	-	152	123	30	93	29	80,92	

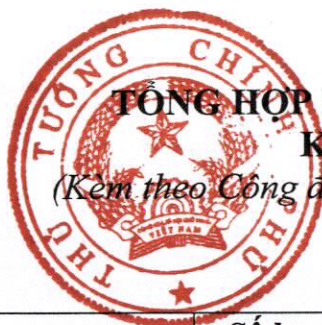
³ Theo Báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định có 39 TTHC liên quan đến doanh nghiệp đủ điều kiện cung cấp DVCTT. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm toàn bộ về số liệu báo cáo này.

Cơ quan	Tổng số TTHC doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết			Kết quả thực hiện cung cấp DVCTT				Tỷ lệ thực hiện (%)	Ghi chú
	Tổng số	Tổng số TTHC không phát sinh hồ sơ trong 3 năm	Tổng số TTHC phải cung cấp DVCTT	Tổng số TTHC đã cung cấp DVCTT	Đã cung cấp DVCTT trên Cổng DVC cấp Bộ ²	Đã cung cấp, tích hợp DVCTT trên Cổng DVCQG	Chưa tích hợp, cung cấp DVCTT		
Bộ Y tế	102	-	102	74	34	40	28	72,55	
Bộ Công an	169	-	169	102	65	37	67	60,36	
Bộ Tài chính	441	62	379	215		215	164	56,73	
Thanh tra Chính phủ	4	-	4	0	0	0	4	0	
Bộ Dân tộc và Tôn giáo	0	0	0	0	-	0	0	-	Không đánh giá do không có TTHC doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết
Tổng số	1891	209	1682	1378	157	1221	304	81,93	

II. Địa phương

Địa phương	Số TTHC doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết	Số TTHC doanh nghiệp đã cung cấp DVC trực tuyến trên Cổng DVCQG	Số TTHC doanh nghiệp chưa tích hợp DVCTT trên Cổng DVCQG	Tỷ lệ thực hiện (%)
TP. Đà Nẵng	1188	1188	0	100
TP. Hà Nội	1137	1137	0	100
TP. Hải Phòng	1232	1232	0	100
An Giang	1158	1158	0	100
Bắc Ninh	1151	1151	0	100
Điện Biên	1105	1105	0	100
Gia Lai	1184	1184	0	100
Hà Tĩnh	1123	1123	0	100
Khánh Hòa	1160	1160	0	100
Quảng Trị	1207	1207	0	100
Cà Mau	1182	1178	4	99,66
Lâm Đồng	1215	1208	7	99,42
Tây Ninh	1102	1095	7	99,36
Vĩnh Long	1157	1149	8	99,31
Hưng Yên	1166	1157	9	99,23
TP Cần Thơ	1206	1195	11	99,09
Đồng Nai	1160	1149	11	99,05
Quảng Ninh	1232	1219	13	98,94
Thanh Hóa	1232	1215	17	98,62
Thái Nguyên	1145	1126	19	98,34
Lạng Sơn	1074	1040	34	96,83
Lào Cai	1163	1122	41	96,47

Địa phương	Số TTHC doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết	Số TTHC doanh nghiệp đã cung cấp DVC trực tuyến trên Cổng DVCQG	Số TTHC doanh nghiệp chưa tích hợp DVCTT trên Cổng DVCQG	Tỷ lệ thực hiện (%)
Ninh Bình	1151	1109	42	96,35
Quảng Ngãi	1220	1162	58	95,25
Nghệ An	1170	1114	56	95,21
Đắk Lắk	1179	1114	65	94,49
TP Huế	1195	1113	82	93,14
Tuyên Quang	1197	1112	85	92,9
Lai Châu	1142	1053	89	92,21
Phú Thọ	1140	1047	93	91,84
Sơn La	1147	1050	97	91,54
TP Hồ Chí Minh	1245	1135	110	91,16
Đồng Tháp	1130	1026	104	90,8
Cao Bằng	1082	976	106	90,2



Phụ lục II

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH**

(Kèm theo Công điện số 242/CD-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Địa phương	Số lượng TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông			Số lượng TTHC đã công bố thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính	Tỷ lệ
		Tổng số	Cấp tỉnh	Cấp xã		
1.	Tp. Hà Nội	2,012	1,660	352	2,012	100%
2.	Tp. Hồ Chí Minh	2,223	1,937	335	2,223	100%
3.	Tp. Đà Nẵng	2,388	1,970	418	2,388	100%
4.	Điện Biên	2,096	1,784	312	2,096	100%
5.	Gia Lai	2,206	1,802	404	2,206	100%
6.	Khánh Hòa	2,151	1,853	411	2,151	100%
7.	Tp Huế	2,241	1,897	344	2,241	100%
8.	Hưng Yên	2,216	1,821	395	2,216	100%
9.	Lào Cai	2,199	1,875	324	2,199	100%
10.	Sơn La	2,192	1,799	393	2,192	100%
11.	Vĩnh Long	2,165	1,751	414	2,165	100%
12.	Cà Mau	2,234	1,807	427	2,234	100%
13.	Phú Thọ	2,157	1,855	420	2,157	100%
14.	Lạng Sơn	2,047	1,792	255	2,047	100%
15.	Bắc Ninh	2,191	1,752	439	2,191	100%
16.	Lâm Đồng	2,344	1,946	426	2,344	100%
17.	Lai Châu	2,068	1,674	394	2,068	100%
18.	Quảng Trị	2,202	1,803	399	2,202	100%
19.	An Giang	2,249	1,833	416	2,204	98.0%

STT	Địa phương	Số lượng TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông			Số lượng TTHC đã công bố thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính	Tỷ lệ
		Tổng số	Cấp tỉnh	Cấp xã		
20.	Quảng Ninh	2,253	1,899	354	2,206	98.0%
21.	Thanh Hóa	2,323	1,889	434	2,271	97.8%
22.	Tp Hải Phòng	2,260	1,929	331	2,179	96.42%
23.	Ninh Bình	2,028	1,719	309	1,917	94.5%
24.	Thái Nguyên	2,215	1,830	385	2,088	94.3%
25.	Hà Tĩnh	2,157	1,812	345	2,010	93.18%
26.	Đồng Nai	2,151	1,852	399	1,988	92.4%
27.	Tp Cần Thơ	2,261	1,857	404	2,056	90.93%
28.	Tây Ninh	2,102	1,790	417	1,875	89.2%
29.	Quảng Ngãi	2,230	1,820	410	1,985	89.0%
30.	Đồng Tháp	2,126	1,728	398	1,892	89.0%
31.	Nghệ An	2,265	1,867	415	1,843	81%
32.	Tuyên Quang	1,950	1,634	316	1,368	70.2%
33.	Đắk Lắk	2,245	1,846	399	1,408	62.7%
34.	Cao Bằng	2,190	1,788	402	865	39.5%